

Số: 2815 /QĐ-UBND

Đắk Lắk, ngày 07 tháng 9 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

Về việc ban hành Kế hoạch đào tạo nâng cao chất lượng lao động ngành nông nghiệp, hình thành lực lượng nông dân số, nông dân chuyên nghiệp và đội ngũ quản trị hợp tác xã hiện đại trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk năm 2026 và giai đoạn 2026 - 2030

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK LẮK

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Quyết định số 46/2015/QĐ-TTg ngày 28/9/2015 của Thủ tướng Chính phủ quy định chính sách hỗ trợ đào tạo trình độ sơ cấp và đào tạo dưới 03 tháng; Quyết định số 328/QĐ-TTg ngày 24/02/2026 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình “Đổi mới, nâng cao chất lượng đào tạo nghề nông thôn đến năm 2030”;

Căn cứ các Thông tư của Bộ trưởng Bộ Tài chính: Số 152/2016/TT-BTC ngày 17/10/2016 quy định quản lý và sử dụng kinh phí hỗ trợ đào tạo trình độ sơ cấp và đào tạo dưới 03 tháng; số 40/2019/TT-BTC ngày 28/06/2019 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 152/2016/TT-BTC ngày 17/10/2016; số 40/2017/TT-BTC ngày 28/4/2017 quy định chế độ công tác phí, chế độ hội nghị; số 100/2025/TT-BTC ngày 28/10/2025 Hướng dẫn việc lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí dành cho công tác đào tạo, bồi dưỡng công chức, viên chức; số 27/2026/TT-BTC ngày 27/3/2026 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 152/2016/TT-BTC; số 60/2026/TT-BTC ngày 31/5/2026 hướng dẫn quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí chi thường xuyên ngân sách nhà nước thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2026 - 2035, giai đoạn I: Từ năm 2026 đến năm 2030;

Căn cứ Quyết định số 417/QĐ-BNNMT ngày 31/01/2026 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2026 - 2035, giai đoạn I: Từ năm 2026 đến năm 2030; Quyết định số 2060/QĐ-BNNMT ngày 01/6/2026 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường phê duyệt Kế hoạch đào tạo nâng cao chất lượng lao động ngành nông nghiệp, hình thành lực lượng nông dân số, nông dân chuyên nghiệp và đội ngũ quản trị hợp tác xã hiện đại giai đoạn 2026-2030;

Căn cứ Nghị quyết số 12/2025/NQ-HĐND ngày 30/10/2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Đắk Lắk quy định mức chi chế độ công tác phí, chế độ hội nghị trên địa bàn tỉnh; Nghị quyết số 15/2026/NQ-HĐND ngày 02/7/2026 của Hội đồng nhân dân tỉnh Đắk Lắk ban hành quy định nội dung và mức chi hỗ trợ cho các hoạt động khuyến nông trên địa bàn tỉnh;

Căn cứ Quyết định số 053/2025/QĐ-UBND ngày 30/12/2025 của UBND tỉnh Đắk Lắk quy định về Danh mục nghề, mức hỗ trợ phí đào tạo trình độ sơ cấp và đào tạo dưới 3 tháng trong lĩnh vực giáo dục nghề nghiệp trên địa bàn tỉnh; Kế hoạch số 108/KH-UBND ngày 02/4/2026 của UBND tỉnh Đắk Lắk về thực hiện Chương trình “Đổi mới, nâng cao chất lượng đào tạo nghề nông thôn đến năm 2030” trên địa bàn tỉnh;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Tờ trình số 543/TTr-SNNMT ngày 11/6/2026; Công văn số 8727/SNNMT-PTNT ngày 15/8/2026;

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Kế hoạch đào tạo nâng cao chất lượng lao động ngành nông nghiệp, hình thành lực lượng nông dân số, nông dân chuyên nghiệp và đội ngũ quản trị hợp tác xã hiện đại trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk năm 2026 và giai đoạn 2026 - 2030.

Điều 2. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc các Sở: Nông nghiệp và Môi trường, Giáo dục và Đào tạo, Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Tài chính, Dân tộc và Tôn giáo, Khoa học và Công nghệ; Thủ trưởng các ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh; Chủ tịch Liên minh Hợp tác xã tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường và các cơ quan, đơn vị, tổ chức có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này từ ngày ký ban hành./.

Nơi nhận:

- Như Điều 2;
- Bộ Nông nghiệp và Môi Trường (b/c);
- Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Các PCVP UBND tỉnh;
- Các cơ sở giáo dục nghề nghiệp;
- Các phòng, TT thuộc VP UBND tỉnh;
- Lưu: VT, NNMT.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Nguyễn Thiên Văn

KẾ HOẠCH

Đào tạo nâng cao chất lượng lao động ngành nông nghiệp, hình thành lực lượng nông dân số, nông dân chuyên nghiệp và đội ngũ quản trị hợp tác xã hiện đại trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk năm 2026 và giai đoạn 2026 - 2030

(Kèm theo Quyết định số 2815 /QĐ-UBND ngày 07/9/2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Lắk)

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích

Nâng cao nhận thức, vai trò, trách nhiệm, sự đồng thuận, nhất trí của cả hệ thống chính trị, cán bộ, đảng viên, người lao động và toàn thể xã hội về vai trò, tầm quan trọng của đào tạo, nâng cao chất lượng lao động ngành nông nghiệp hình thành lực lượng nông dân số, nông dân chuyên nghiệp và đội ngũ quản trị hợp tác xã hiện đại.

Đẩy mạnh công tác đào tạo nghề nông nghiệp, ngành nghề nông thôn để nâng cao chất lượng lao động ngành nông nghiệp, hình thành lực lượng nông dân số, nông dân chuyên nghiệp và đội ngũ quản trị hợp tác xã; lựa chọn đúng ngành, nghề đào tạo đảm bảo hiệu quả sau đào tạo, phù hợp với nhu cầu, nguyện vọng của người học và yêu cầu thực tiễn địa phương, phù hợp với nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh, góp phần thúc đẩy sự phát triển, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực nông nghiệp trên địa bàn.

2. Yêu cầu

Xác định rõ mục tiêu, nhiệm vụ và giải pháp, bảo đảm khả thi, hiệu quả, có trọng tâm, trọng điểm; phân công nhiệm vụ cụ thể cho các sở, ban, ngành, tổ chức chính trị - xã hội, các địa phương trong triển khai thực hiện Kế hoạch, phấn đấu hoàn thành các mục tiêu đề ra.

Thực hiện đào tạo theo nhu cầu học nghề của lao động nông thôn, nhu cầu sử dụng lao động của doanh nghiệp, hợp tác xã và yêu cầu của thị trường lao động.

Tăng cường công tác phối hợp giữa các cơ quan, đơn vị, địa phương, huy động sự tham gia của các tổ chức, doanh nghiệp và người dân trong triển khai thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp bảo đảm đồng bộ, thống nhất, hiệu quả.

Thường xuyên thực hiện công tác kiểm tra, giám sát, hướng dẫn, đôn đốc các cơ quan, đơn vị, địa phương triển khai thực hiện Kế hoạch; tiến hành sơ kết, tổng kết theo Kế hoạch và yêu cầu thực tiễn.

II. MỤC TIÊU VÀ PHẠM VI, ĐỐI TƯỢNG

1. Mục tiêu

1.1. Mục tiêu tổng quát

Đổi mới toàn diện, nâng cao chất lượng và hiệu quả đào tạo nghề cho lao động ngành nông nghiệp, nông thôn; đào tạo nâng cao, đào tạo sâu cho lao động trong các

vùng nguyên liệu, lao động trong hợp tác xã, tổ hợp tác, trang trại để hình thành lực lượng nông dân số, nông dân chuyên nghiệp và đội ngũ quản trị hợp tác xã hiện đại có tri thức, tay nghề cao, đáp ứng yêu cầu về xây dựng nông nghiệp thông minh, nông nghiệp hữu cơ, nông nghiệp xanh, bền vững, thích ứng với biến đổi khí hậu.

1.2. Mục tiêu cụ thể

1.2.1. Giai đoạn 2026-2030: Đào tạo nghề nông nghiệp, ngành nghề nông thôn; đào tạo, bồi dưỡng để hình thành lực lượng nông dân số, nông dân chuyên nghiệp và đội ngũ cán bộ quản trị hợp tác xã hiện đại, là 26.545 lao động, trong đó:

(1) Đào tạo nghề nông nghiệp, ngành nghề nông thôn

Tổ chức đào tạo cho trên 8.205 lao động với các hình thức đa dạng (trình độ sơ cấp, dưới 3 tháng), phù hợp với điều kiện từng địa phương, từng bước liên kết với vùng nguyên liệu, chương trình, đề án, dự án trọng điểm; trong đó: Đào tạo 3.180 lao động thuộc hộ nghèo, cận nghèo, hộ mới thoát nghèo; đào tạo 3.435 lao động trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi; đào tạo 1.590 lao động thuộc đối tượng khác.

Bảo đảm chất lượng đào tạo theo quy định của Chương trình, từng bước chuẩn hóa quy trình sản xuất, bảo đảm an toàn thực phẩm, truy xuất nguồn gốc, đồng thời tích hợp kỹ năng số cơ bản và kỹ năng tổ chức sản xuất, tiêu thụ sản phẩm.

Tỷ lệ lao động áp dụng kiến thức vào thực tiễn, duy trì, mở rộng sản xuất hoặc có việc làm sau đào tạo đạt trên 85%.

(2) Đào tạo, bồi dưỡng để hình thành lực lượng nông dân số, nông dân chuyên nghiệp và đội ngũ cán bộ quản trị hợp tác xã hiện đại.

Đào tạo, bồi dưỡng trên 18.340 lao động, trong đó:

- Lao động vùng nguyên liệu, chương trình, đề án, dự án trọng điểm và trang trại: Đào tạo nông dân chuyên nghiệp 9.205 lao động; bồi dưỡng nông dân số là 8.195 lao động.

- Cán bộ quản trị và lao động trong hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã trên 940 lao động.

Sau đào tạo, bồi dưỡng trên 85% học viên áp dụng kiến thức, kỹ năng vào thực tiễn sản xuất, kinh doanh; trên 70% tham gia liên kết sản xuất, chuỗi giá trị hoặc ứng dụng công nghệ số, đổi mới phương thức quản trị và tổ chức sản xuất.

(Chi tiết như Phụ lục I, II, III, IV đính kèm).

1.2.2. Năm 2026: Đào tạo nghề nông nghiệp, ngành nghề nông thôn cho 1.670 lao động với các hình thức đa dạng (trình độ sơ cấp, dưới 3 tháng), phù hợp với điều kiện từng địa phương, từng bước liên kết với vùng nguyên liệu, chương trình, đề án, dự án trọng điểm; trong đó: Đào tạo 705 lao động thuộc hộ nghèo, cận nghèo; đào tạo 692 lao động trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi; đào tạo 273 lao động thuộc đối tượng khác.

(Chi tiết như Phụ lục I, II, III đính kèm).

2. Phạm vi thực hiện

Kế hoạch đào tạo nâng cao chất lượng lao động ngành nông nghiệp, hình thành lực lượng nông dân số, nông dân chuyên nghiệp và đội ngũ quản trị hợp tác xã hiện

đại trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk năm 2026 và giai đoạn 2026-2030 thực hiện trên phạm vi toàn tỉnh; ưu tiên thực hiện tại các vùng nguyên liệu tập trung, vùng sản xuất hàng hóa quy mô lớn, địa bàn triển khai chương trình, đề án, dự án trọng điểm của ngành nông nghiệp, các xã đặc biệt khó khăn, vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, vùng bãi ngang ven biển và hải đảo, địa bàn biên giới, an toàn khu và khu vực có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn.

3. Đối tượng thực hiện

a) Đối tượng thụ hưởng đào tạo, bồi dưỡng

Người lao động khu vực nông thôn là công dân Việt Nam từ đủ 15 tuổi trở lên có nhu cầu học nghề, làm việc và nâng cao kỹ năng trong lĩnh vực nông nghiệp, ngành nghề nông thôn.

Lao động trong vùng nguyên liệu, chương trình, đề án, dự án trọng điểm của ngành; hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã, tổ hợp tác, trang trại, doanh nghiệp nông nghiệp và ngành nghề nông thôn.

Thành viên hội đồng quản trị, giám đốc, cán bộ quản lý, điều hành hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã nông nghiệp.

Ưu tiên người thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo; người dân tộc thiểu số; lao động tại vùng đặc biệt khó khăn, biên giới, hải đảo và địa bàn an toàn khu.

b) Đội ngũ tham gia đào tạo, bồi dưỡng

Nhà giáo, nghệ nhân, nông dân sản xuất kinh doanh giỏi, cán bộ khuyến nông, khuyến nông cộng đồng, chuyên gia, cán bộ kỹ thuật, người dạy nghề, cán bộ quản lý cơ sở đào tạo và cơ quan quản lý nhà nước có liên quan.

c) Cơ sở tham gia đào tạo

Các cơ sở hoạt động giáo dục nghề nghiệp; học viện, trường, viện nghiên cứu, trung tâm thuộc Bộ Nông nghiệp và Môi trường và các cơ sở, doanh nghiệp, hợp tác xã, tổ chức, cá nhân tham gia đào tạo nghề và đào tạo nâng cao chất lượng lao động nông nghiệp.

d) Các tổ chức, cá nhân có liên quan

Các cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp, hiệp hội ngành hàng, tổ chức khoa học công nghệ, tổ chức quốc tế và các tổ chức, cá nhân khác có liên quan đến hoạt động đào tạo, bồi dưỡng và phát triển nguồn nhân lực nông nghiệp.

4. Thời gian: Năm 2026 và giai đoạn 2026-2030.

III. NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP TRỌNG TÂM

1. Đào tạo nghề nông nghiệp, ngành nghề nông thôn

a) Quy mô đào tạo:

- Giai đoạn 2026-2030 đào tạo trên 8.205 lao động.
- Năm 2026 đào tạo trên 1.670 lao động.

Chi tiết phân bổ chỉ tiêu đào tạo của các xã, phường *(theo phụ lục I kèm theo)*

b) Trình độ, hình thức đào tạo:

Trình độ: Sơ cấp, đào tạo dưới 3 tháng.

Hình thức: Trực tiếp kết hợp trực tuyến, gắn với thực hành tại cơ sở sản xuất, doanh nghiệp, hợp tác xã.

c) Định hướng lựa chọn nghề và nội dung đào tạo:

- Gắn đào tạo với vùng nguyên liệu, chương trình, đề án, dự án của ngành và địa phương; ưu tiên đào tạo theo đơn đặt hàng của doanh nghiệp, hợp tác xã. Khuyến khích mô hình “cầm tay chỉ việc”, đào tạo tại chỗ, đào tạo theo chuỗi giá trị.

- Nghề nông nghiệp theo lĩnh vực, ngành hàng, vùng sinh thái và sản phẩm chủ lực của địa phương, ưu tiên các nghề thuộc trồng trọt, chăn nuôi, lâm nghiệp, thủy sản, dược liệu, diêm nghiệp có thế mạnh ở địa phương; các nghề sơ chế, bảo quản, chế biến nông lâm thủy sản...

- Nghề gắn với kỹ năng tổ chức sản xuất, sử dụng vật tư, thiết bị, áp dụng tiến bộ kỹ thuật, nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả; kỹ năng tổ chức sản xuất đảm bảo an toàn thực phẩm, truy xuất nguồn gốc, đáp ứng tiêu chuẩn, quy chuẩn hiện hành.

- Nghề sản xuất nông nghiệp theo các quy trình tiên tiến, hiện đại, bền vững, thực hành sản xuất nông nghiệp xanh, sử dụng hiệu quả tài nguyên, bảo vệ môi trường và thích ứng với biến đổi khí hậu; đào tạo về kinh tế tuần hoàn trong nông nghiệp, quản lý và tái sử dụng phụ phẩm nông nghiệp, giảm phát thải khí nhà kính, phát triển nông nghiệp xanh, tín chỉ carbon và thích ứng biến đổi khí hậu nhằm phù hợp với định hướng phát triển nông nghiệp bền vững và cam kết giảm phát thải của Việt Nam.

- Đào tạo các nghề nông nghiệp gắn với ứng dụng cơ giới hóa, tự động hóa, chuyển đổi số trong sản xuất nông nghiệp; trang bị kỹ năng sử dụng, vận hành và bảo dưỡng máy móc, thiết bị phục vụ các khâu sản xuất, chăm sóc, thu hoạch, sơ chế và bảo quản nông sản; đáp ứng yêu cầu phát triển nông nghiệp hiện đại, xanh và bền vững.

- Các nghề phi nông nghiệp dành cho lao động nông thôn gắn với bảo tồn và phát triển làng nghề, thủ công mỹ nghệ, chế biến nông sản, dịch vụ nông nghiệp, du lịch nông thôn, phát triển sản phẩm OCOP và sinh kế bền vững.

- Các nghề khác phù hợp với định hướng phát triển, nhu cầu sản xuất nông, lâm nghiệp của địa phương.

d) Kết quả, hiệu quả sau đào tạo: Trên 85% học viên áp dụng vào thực tiễn sản xuất, có việc làm; từng bước hình thành lực lượng lao động có kỹ năng nghề, đáp ứng chuyển dịch cơ cấu lao động nông thôn.

2. Đào tạo, bồi dưỡng nâng cao chất lượng lao động ngành nông nghiệp để hình thành đội ngũ nông dân số, nông dân chuyên nghiệp, cán bộ quản trị hợp tác xã

a) Quy mô đào tạo, bồi dưỡng: Giai đoạn 2026-2030 đào tạo, bồi dưỡng trên 18.340 lao động. Chi tiết phân bổ chỉ tiêu đào tạo của các xã, phường (theo phụ lục I kèm theo).

b) Hình thức: Tổ chức tại cơ sở đào tạo, doanh nghiệp, hợp tác xã, Viện, Trường; kết hợp trực tiếp và trực tuyến, lấy thực hành làm trọng tâm. Các học viên sau đào tạo, bồi dưỡng được cấp chứng nhận qua đào tạo, bồi dưỡng.

c) Thời gian đào tạo: Không dưới 5 ngày/khóa, có ít nhất 01 buổi thực hành hoặc khảo sát thực tế.

d) Định hướng nội dung đào tạo theo mô-đun:

(1) Nhóm mô-đun cốt lõi (áp dụng chung)

Mô-đun 1: Kỹ năng sử dụng các thiết bị số, ứng dụng công nghệ trong nông nghiệp cơ bản; ghi chép nhật ký điện tử trong sản xuất.

Mô-đun 2: Tiêu chuẩn chất lượng và sản xuất nông nghiệp bền vững: Kiến thức, kỹ năng về tiêu chuẩn, quy chuẩn, an toàn thực phẩm, truy xuất nguồn gốc; thực hành sản xuất nông nghiệp xanh, hữu cơ, tuần hoàn, giảm phát thải và thích ứng biến đổi khí hậu.

Mô-đun 3: Chế biến, cơ giới hóa và nông nghiệp thông minh: Kiến thức, kỹ năng ứng dụng cơ giới hóa, tự động hóa, thiết bị thông minh, nông nghiệp chính xác, công nghệ sau thu hoạch, bảo quản, chế biến và logistics phục vụ sản xuất nông nghiệp hiện đại.

Mô-đun 4: Quản lý sản xuất, kinh doanh và tiếp cận thị trường: Kỹ năng lập kế hoạch sản xuất, quản lý tài chính, tổ chức sản xuất theo chuỗi giá trị; thương mại điện tử, thanh toán số, kết nối thị trường và tiếp cận dịch vụ tài chính.

Mô-đun 5: Quản trị hợp tác xã và liên kết sản xuất: Nâng cao năng lực quản trị hợp tác xã theo hướng hiện đại, minh bạch, hiệu quả; tổ chức sản xuất gắn với vùng nguyên liệu, liên kết chuỗi giá trị, chuyển đổi số và quản trị rủi ro.

Mô-đun 6: Quản lý rủi ro và kỹ năng thích ứng: Kiến thức, kỹ năng ứng phó với thiên tai, dịch bệnh, biến động thị trường; an toàn lao động, bảo hiểm nông nghiệp và nâng cao khả năng thích ứng trong sản xuất, kinh doanh nông nghiệp.

(2) Nhóm mô-đun đặc thù gắn với điều kiện sản xuất, ngành hàng chủ lực của tỉnh và nhu cầu thực tế của địa phương

Mô-đun 7: Nội dung đào tạo đặc thù: Tổ chức đào tạo, bồi dưỡng phù hợp với đặc điểm, điều kiện sản xuất của từng vùng, từng địa bàn, ngành hàng chủ lực và nhu cầu thực tế của địa phương trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk; tập trung vào các nội dung như: phát triển và quản trị thương hiệu, xây dựng câu chuyện sản phẩm, tiêu chuẩn chất lượng, truy xuất nguồn gốc, chuyển đổi số trong sản xuất và tiêu thụ nông sản; phát triển sản phẩm OCOP, làng nghề, ngành nghề nông thôn; phát triển du lịch nông thôn gắn với sản xuất nông nghiệp, văn hóa và cảnh quan nông thôn; phát triển các ngành hàng đặc trưng, sản phẩm chủ lực của địa phương như cà phê, sầu riêng, hồ tiêu, cây ăn quả, sản phẩm chăn nuôi, dược liệu, sản phẩm từ rừng và các sản phẩm đặc sản vùng miền; phát triển sinh vật cảnh, kinh tế tuần hoàn, sản xuất xanh, thích ứng với biến đổi khí hậu và các nội dung khác theo nhu cầu thực tế; đối với vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, ưu tiên các nội dung đào tạo phù hợp với điều kiện sản xuất, sinh kế, trình độ và tập quán của người dân; gắn đào tạo nghề nông nghiệp, phát triển ngành nghề nông thôn với bảo tồn, phát huy giá trị văn hóa truyền thống, phát triển sản phẩm đặc trưng, du lịch cộng đồng và nâng cao thu nhập, tạo việc làm bền vững cho người dân.

Căn cứ nhu cầu thực tiễn của từng địa phương, lựa chọn tối thiểu 03 mô-đun đào tạo, bồi dưỡng, ưu tiên các mô-đun cốt lõi và linh hoạt bổ sung các nội dung đặc thù phù hợp với từng nhóm đối tượng, ngành hàng và điều kiện thực tế.

3. Hoàn thiện hệ thống tiêu chuẩn, danh mục nghề, chương trình, học liệu và nền tảng đào tạo

a) Thực hiện theo hướng dẫn của Bộ Nông nghiệp và Môi trường, Bộ Giáo dục và Đào tạo về chương trình, giáo trình, học liệu các nghề nông nghiệp, ngành nghề nông thôn và tài liệu đào tạo, bồi dưỡng theo hướng linh hoạt, thực tiễn, dựa trên năng lực và gắn với ngành hàng, vùng nguyên liệu, nhu cầu địa phương; phát triển học liệu số gồm bài giảng điện tử, video hướng dẫn, mô phỏng quy trình, ngân hàng câu hỏi và bộ công cụ thực hành; chương trình, giáo trình đào tạo, bồi dưỡng để hình thành lực lượng nông dân số, nông dân chuyên nghiệp, quản trị hợp tác xã hiện đại.

b) Triển khai áp dụng tiêu chí, nội dung về nông dân chuyên nghiệp theo hướng dẫn của Bộ Nông nghiệp và Môi trường; từng bước tham gia thí điểm mô hình nông dân số, nông dân chuyên nghiệp, gắn với kết quả học tập, hiệu quả sản xuất, kinh doanh và tham gia chuỗi giá trị.

c) Rà soát nhu cầu đào tạo nghề nông nghiệp, ngành nghề nông thôn tại các xã, phường; phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan cập nhật danh mục nghề, nội dung đào tạo và định mức kinh tế - kỹ thuật, giá dịch vụ đào tạo theo quy định và phù hợp với nhu cầu thực tế. Ưu tiên các nghề phục vụ ngành hàng chủ lực, sản phẩm OCOP, phát triển ngành nghề nông thôn, du lịch nông thôn và các lĩnh vực có khả năng tạo việc làm, nâng cao thu nhập cho lao động nông thôn.

4. Phát triển đội ngũ và cơ sở phục vụ đào tạo

a) Xây dựng, chuẩn hóa và phát triển đội ngũ nhà giáo, giảng viên, người tham gia đào tạo và cán bộ quản lý công tác đào tạo theo hướng chuyên nghiệp, thực hành, cập nhật công nghệ, gắn với nhu cầu thực tiễn sản xuất và thị trường. Tổ chức đào tạo, bồi dưỡng nâng cao năng lực về phương pháp đào tạo dựa trên năng lực, kỹ năng sư phạm, chuyển đổi số, quản trị chuỗi giá trị và kỹ năng tổ chức đào tạo tại cộng đồng.

b) Phát triển mạng lưới chuyên gia, giảng viên thực hành và tư vấn đào tạo nông nghiệp, bao gồm giảng viên cơ sở đào tạo, cán bộ khuyến nông, chuyên gia doanh nghiệp, cán bộ hợp tác xã, nông dân sản xuất giỏi, nghệ nhân, chuyên gia công nghệ số và các tổ chức khoa học, nghề nghiệp; khuyến khích sự tham gia của doanh nghiệp, hợp tác xã và các tổ chức xã hội trong hoạt động đào tạo.

c) Phát triển hệ thống mô hình thực hành, điểm trình diễn, cơ sở thực tập và tham quan học tập, gắn với vùng nguyên liệu, hợp tác xã, doanh nghiệp, cơ sở sản xuất, làng nghề và mô hình sản xuất hiệu quả tại địa phương; ưu tiên mô hình ứng dụng công nghệ, chuyển đổi số, cơ giới hóa, sản xuất xanh, hữu cơ và thích ứng với biến đổi khí hậu.

d) Tăng cường liên kết giữa cơ sở đào tạo - hợp tác xã - doanh nghiệp - cơ sở sản xuất, thực hiện đào tạo theo nhu cầu thực tiễn, theo đơn đặt hàng, gắn đào tạo với thực hành, chuyển giao công nghệ, tổ chức sản xuất và tiêu thụ sản phẩm theo chuỗi giá trị.

e) Khuyến khích lồng ghép, huy động nguồn lực từ các chương trình, đề án, dự án và nguồn xã hội hóa để phát triển đội ngũ, cơ sở thực hành và mô hình đào tạo hiệu quả.

5. Điều tra, xác định nhu cầu và đặt hàng đào tạo

a) Tổ chức điều tra, khảo sát, cập nhật định kỳ nhu cầu đào tạo theo ngành hàng, vùng nguyên liệu, chương trình, đề án, dự án trọng điểm, chuỗi giá trị nông lâm thủy sản, ngành nghề nông thôn và nhu cầu thực tiễn của địa phương, doanh nghiệp, hợp tác xã.

b) Xây dựng, cập nhật cơ sở dữ liệu về nhu cầu đào tạo, làm căn cứ xây dựng kế hoạch đào tạo hằng năm, trung hạn và dài hạn; bảo đảm gắn với quy hoạch phát triển sản xuất, chuyển dịch cơ cấu lao động và nhu cầu thị trường.

c) Thực hiện đặt hàng, giao nhiệm vụ đào tạo theo nhu cầu thực tế và kết quả đầu ra, ưu tiên các vùng nguyên liệu, ngành hàng chủ lực, chương trình, đề án, dự án trọng điểm; bảo đảm đào tạo đúng đối tượng, đúng nhu cầu, hiệu quả và tránh dàn trải.

6. Giám sát, đánh giá, truyền thông và nhân rộng mô hình

a) Tổ chức giám sát, kiểm tra, đánh giá định kỳ việc thực hiện Kế hoạch; kịp thời rà soát, điều chỉnh mục tiêu, nội dung, phương thức đào tạo phù hợp với yêu cầu thực tiễn.

b) Thực hiện sơ kết, tổng kết, đánh giá hiệu quả theo từng giai đoạn; tổng hợp, chia sẻ bài học kinh nghiệm, mô hình hiệu quả và giải pháp nâng cao chất lượng đào tạo.

c) Đẩy mạnh thông tin, truyền thông về mục tiêu, nội dung, kết quả thực hiện Kế hoạch; tuyên truyền các mô hình hiệu quả, điển hình tiên tiến, nông dân số, nông dân chuyên nghiệp, cán bộ quản trị hợp tác xã tiêu biểu.

d) Nhân rộng mô hình đào tạo hiệu quả, mô hình liên kết giữa cơ sở đào tạo - hợp tác xã - doanh nghiệp - người dân; thúc đẩy lan tỏa các phương thức đào tạo thiết thực, sáng tạo và phù hợp với từng vùng, miền.

IV. KINH PHÍ THỰC HIỆN

1. Kinh phí thực hiện Kế hoạch được đảm bảo từ nguồn: (i) Ngân sách nhà nước: Chủ yếu từ nguồn NSTW phân bổ cho tỉnh, nguồn NSDP đối ứng thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2026-2035 (giai đoạn I: 2026-2030); (ii) Nguồn huy động từ các tổ chức, cá nhân, doanh nghiệp và các nguồn vốn hợp pháp khác theo quy định của pháp luật hiện hành.

2. Các cơ quan, đơn vị, địa phương căn cứ nhiệm vụ được giao chủ động bố trí, lồng ghép và sử dụng hiệu quả các nguồn kinh phí để triển khai thực hiện Kế hoạch theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước và các quy định có liên quan.

3. Nhu cầu kinh phí

3.1. Giai đoạn 2026-2030: Tổng nhu cầu kinh phí thực hiện đào tạo nghề nông nghiệp, ngành nghề nông thôn; đào tạo, bồi dưỡng để hình thành lực lượng nông dân số, nông dân chuyên nghiệp và đội ngũ cán bộ quản trị hợp tác xã hiện đại là 52.095 triệu đồng.

** Các hoạt động:*

- Hỗ trợ đào tạo nghề nông nghiệp, ngành nghề nông thôn; đào tạo, bồi dưỡng để hình thành lực lượng nông dân số, nông dân chuyên nghiệp và đội ngũ cán bộ quản trị hợp tác xã hiện đại là 51.195 triệu đồng.

- Xây dựng, chỉnh sửa, phát triển các chương trình, giáo trình, học liệu điện tử đào tạo nghề nông nghiệp, ngành nghề nông thôn trình độ sơ cấp, dưới 3 tháng là 400 triệu đồng.

- Kiểm tra, giám sát công tác đào tạo nghề nông nghiệp, ngành nghề nông thôn 500 triệu đồng.

(Chi tiết như Phụ lục I, II, III, IV đính kèm)

3.2. Năm 2026: Tổng nhu cầu kinh phí thực hiện đào tạo nghề nông nghiệp, ngành nghề nông thôn năm 2026 là 5.110 triệu đồng.

** Các hoạt động:*

- Hỗ trợ đào tạo nghề nông nghiệp, ngành nghề nông thôn là 4.860 triệu đồng.

- Xây dựng, chỉnh sửa, phát triển các chương trình, giáo trình, học liệu điện tử đào tạo nghề nông nghiệp, ngành nghề nông thôn trình độ sơ cấp, thường xuyên là 150 triệu đồng.

- Kiểm tra, giám sát công tác đào tạo nghề nông nghiệp, ngành nghề nông thôn 100 triệu đồng.

(Chi tiết như Phụ lục I, Phụ lục II, phụ lục III đính kèm)

V. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Sở Nông nghiệp và Môi trường

- Chủ trì, phối hợp với sở, ngành, đơn vị có liên quan và các xã, phường tổ chức thực hiện Kế hoạch này; phối hợp với các sở, ngành, đơn vị liên quan, UBND các xã, phường rà soát nhu cầu đào tạo, tham mưu xây dựng kế hoạch trung hạn, hằng năm của UBND tỉnh về đào tạo nghề nông nghiệp, ngành nghề nông thôn gắn với cơ cấu lại ngành nông nghiệp, vùng nguyên liệu, hợp tác xã, chuyển đổi số và nhu cầu thị trường.

- Đôn đốc, hướng dẫn triển khai công tác đào tạo nghề nông nghiệp, ngành nghề nông thôn; đào tạo, bồi dưỡng để hình thành lực lượng nông dân số, nông dân chuyên nghiệp và đội ngũ quản trị hợp tác xã hiện đại trên địa bàn tỉnh.

- Phối hợp với Sở Giáo dục và Đào tạo, cơ quan, đơn vị liên quan rà soát, xây dựng và cập nhật bổ sung danh mục nghề nông nghiệp, ngành nghề nông thôn để đáp ứng được nhu cầu học nghề của lao động nông thôn trên địa bàn tỉnh.

- Kiểm tra, giám sát việc thực hiện kế hoạch đào tạo nghề nông nghiệp, ngành nghề nông thôn; đào tạo, bồi dưỡng để hình thành lực lượng nông dân số, nông dân chuyên nghiệp và đội ngũ cán bộ quản trị hợp tác xã năm 2026 và giai đoạn 2026-2030 trên địa bàn tỉnh.

- Theo dõi, định kỳ 06 tháng, hàng năm tổng hợp báo cáo Bộ Nông nghiệp và Môi trường, UBND tỉnh theo quy định.

2. Sở Giáo dục và Đào tạo

- Chủ trì, phối hợp với Sở Nông nghiệp và Môi trường, các cơ quan có liên quan, các trường đại học, cao đẳng... tổ chức đào tạo, bồi dưỡng cho đội ngũ giáo viên, người dạy nghề về kiến thức nghề, kỹ năng sư phạm, kỹ năng nghề; bồi dưỡng nâng cao năng lực cho cán bộ quản lý đào tạo nghề nông nghiệp cho lao động nông thôn ở các cấp.

- Tham mưu UBND tỉnh ban hành bổ sung danh mục nghề nông nghiệp (nếu có) theo quy định. Đồng thời, tiếp tục tham mưu xây dựng, ban hành định mức kinh tế - kỹ thuật đối với các nghề nông nghiệp chưa có định mức kinh tế - kỹ thuật nhằm phục vụ đào tạo nghề cho lao động nông thôn trên địa bàn tỉnh.

3. Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch

Phối hợp với Sở Nông nghiệp và Môi trường, các đơn vị có liên quan triển khai công tác thông tin, tuyên truyền trên hệ thống thông tin cơ sở; định hướng các cơ quan thông tấn, báo chí hoạt động trên địa bàn tỉnh tăng cường công tác thông tin tuyên truyền về chính sách đào tạo nâng cao chất lượng lao động ngành nông nghiệp trên địa bàn tỉnh; chủ trương, định hướng phát triển kinh tế nông thôn, sản xuất nông nghiệp, các yêu cầu về đào tạo nâng cao chất lượng lao động ngành nông nghiệp trên địa bàn tỉnh trong giai đoạn mới.

4. Sở Tài chính

- Chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan, tham mưu UBND tỉnh bố trí kinh phí thực hiện các nội dung của Kế hoạch trên cơ sở khả năng cân đối ngân sách hàng năm theo đúng quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước và các quy định của pháp luật.

- Hướng dẫn các đơn vị, địa phương quản lý, sử dụng, quyết toán kinh phí sự nghiệp từ các chương trình mục tiêu quốc gia cho công tác đào tạo nâng cao chất lượng lao động ngành nông nghiệp trên địa bàn tỉnh.

5. Sở Dân tộc và Tôn giáo

- Phối hợp với Sở Nông nghiệp và Môi trường triển khai các hoạt động đào tạo nghề nông nghiệp, ngành nghề nông thôn cho lao động nông thôn gắn với thực hiện các chính sách phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi.

- Phối hợp với Sở Giáo dục và Đào tạo rà soát, tổng hợp số liệu đối với chỉ tiêu người dân tộc thiểu số trong độ tuổi được đào tạo nghề phù hợp với nhu cầu, điều kiện của người dân tộc thiểu số và đặc thù vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi.

6. Sở Khoa học và Công nghệ

Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị trong và ngoài tỉnh đề xuất các hoạt động nghiên cứu khoa học, đổi mới sáng tạo; phối hợp tổ chức đào tạo, tập huấn hình thành lực lượng nông dân số, nông dân chuyên nghiệp và đội ngũ quản trị hợp tác xã hiện đại.

7. Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh

Thực hiện cho vay đối với lao động nông thôn để học nghề và sau đào tạo nghề có nhu cầu vay vốn thông qua các chương trình tín dụng chính sách như: Tín dụng

đối với học sinh, sinh viên; cho vay ưu đãi đối với lao động nông thôn sau đào tạo nghề để tạo việc làm, khởi nghiệp từ các chương trình cho vay phù hợp theo quy định hiện hành; phối hợp kiểm tra, giám sát thực hiện Kế hoạch.

8. Đề nghị Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh và các tổ chức đoàn thể

- Tăng cường công tác tuyên truyền các chủ trương, chính sách, pháp luật của Đảng và Nhà nước về đào tạo nâng cao chất lượng lao động ngành nông nghiệp, hình thành lực lượng nông dân số, nông dân chuyên nghiệp và đội ngũ quản trị hợp tác xã; vận động hội viên tham gia các lớp đào tạo nghề, áp dụng kiến thức, kỹ năng vào thực tiễn sản xuất, kinh doanh.

- Liên minh Hợp tác xã tỉnh: Phối hợp khảo sát, xác định nhu cầu, tổng hợp nhu cầu của hợp tác xã, xây dựng danh sách đối tượng và xây dựng nội dung đào tạo quản trị hợp tác xã hằng năm; tuyên truyền, vận động hợp tác xã tham gia đào tạo; kết nối chuyên gia, mô hình hợp tác xã điển hình; tổ chức tham quan, học tập thực tế; theo dõi và đánh giá hiệu quả sau đào tạo đối với khu vực hợp tác xã.

- Hội Nông dân tỉnh chủ trì tổ chức thực hiện công tác tuyên truyền, vận động nông dân tham gia học nghề; làm đầu mối tham gia tổ chức đào tạo nghề cho lao động nông thôn gắn với các mô hình nông dân sản xuất, kinh doanh giỏi, đội ngũ hợp tác xã hiện đại.

- Hội Liên hiệp Phụ nữ tỉnh, Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh tỉnh tổ chức lồng ghép các hoạt động tuyên truyền, tư vấn về giáo dục nghề nghiệp và đào tạo nghề cho hội viên, đoàn viên vào các nội dung phù hợp. Hướng dẫn các cấp bộ Đoàn - Hội cấp cơ sở nắm bắt và chủ động phối hợp, đề xuất với chính quyền địa phương trong triển khai các lớp đào tạo nghề lao động nông thôn gắn với các mô hình giải quyết việc làm, mô hình sản xuất kinh doanh của các cấp bộ Đoàn - Hội. Hướng dẫn hội viên, đoàn viên vay vốn sau học nghề để vận dụng vào thực tế sản xuất, chăn nuôi và trồng trọt, giúp đỡ, hỗ trợ hội viên, đoàn viên sau học nghề hình thành các tổ, đội, nhóm sản xuất, mô hình kinh tế, sản xuất kết hợp chuyển đổi số.

9. Ủy ban nhân dân các xã, phường

- Căn cứ Kế hoạch này, hằng năm xây dựng kế hoạch đào tạo nghề nông nghiệp, ngành nghề nông thôn; đào tạo, bồi dưỡng để hình thành lực lượng nông dân số, nông dân chuyên nghiệp và đội ngũ cán bộ quản trị hợp tác xã hiện đại ở địa phương và tổ chức thực hiện kế hoạch, đồng thời gửi về Sở Nông nghiệp và Môi trường để theo dõi. Ngoài ngân sách Trung ương được bố trí từ Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2026-2035, giai đoạn I: Từ năm 2026 đến năm 2030, UBND cấp xã cân đối bố trí đủ kinh phí từ nguồn ngân sách của địa phương hoặc huy động từ các nguồn hợp pháp khác để tổ chức thực hiện đảm bảo chỉ tiêu kế hoạch đề ra.

- Chỉ đạo các phòng, ban chuyên môn phối hợp với Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên thực hiện đào tạo nghề nông nghiệp, ngành nghề nông thôn và đào tạo, bồi dưỡng để hình thành lực lượng nông dân số, nông dân chuyên nghiệp và đội ngũ cán bộ quản trị hợp tác xã hiện đại ở địa phương; đồng thời, bám sát nhiệm vụ của Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và

miền núi, chương trình tái cơ cấu ngành nông nghiệp ở địa phương để hoạch định cơ cấu nghề, chương trình, nội dung đào tạo nghề cho phù hợp, đáp ứng nhu cầu học nghề nông nghiệp, ngành nghề nông thôn và đào tạo, bồi dưỡng để hình thành lực lượng nông dân số, nông dân chuyên nghiệp và đội ngũ cán bộ quản trị hợp tác xã hiện đại trên địa bàn theo định hướng của Kế hoạch này.

- Hằng năm bố trí kinh phí từ nguồn vốn Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2026-2030 đã được phân bổ về xã, phường để thực hiện mục tiêu, nhiệm vụ đào tạo nghề nông nghiệp, ngành nghề nông thôn và đào tạo, bồi dưỡng để hình thành lực lượng nông dân số, nông dân chuyên nghiệp và đội ngũ cán bộ quản trị hợp tác xã hiện đại trên địa bàn.

- Khuyến khích các doanh nghiệp, hợp tác xã, trang trại sử dụng lao động đã qua đào tạo; đặt hàng các cơ sở đào tạo theo nhu cầu sử dụng nguồn nhân lực nông nghiệp tại xã, phường. Rà soát, tổng hợp các dự án phát triển sản xuất, ưu tiên các dự án ứng dụng công nghệ cao, nông nghiệp hữu cơ, ứng dụng cơ giới hóa trên địa bàn để xác định nhu cầu, tổ chức đào tạo nghề nông nghiệp, ngành nghề nông thôn cho các lao động tham gia dự án.

- Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát việc tổ chức thực hiện đào tạo nâng cao chất lượng lao động ngành nông nghiệp trên địa bàn.

- Định kỳ 06 tháng, hàng năm báo cáo kết quả thực hiện kế hoạch gửi về Sở Nông nghiệp và Môi trường, Sở Giáo dục và Đào tạo để tổng hợp, báo cáo.

10. Các cơ sở giáo dục nghề nghiệp

- Hằng năm, trên cơ sở nội dung Kế hoạch này, xây dựng kế hoạch tuyển sinh, đào tạo các cấp trình độ giáo dục nghề nghiệp; tăng cường công tác tuyên truyền, tư vấn tuyển sinh và hướng nghiệp.

- Chủ động rà soát, cập nhật chương trình, giáo trình, chuẩn đầu ra phù hợp với nhu cầu thực tiễn và định hướng phát triển nông nghiệp của tỉnh, sản xuất theo chuỗi an toàn, các nghề dịch vụ nông nghiệp.

- Tổ chức khảo sát nhu cầu, tuyển sinh và đào tạo theo kế hoạch, đơn đặt hàng; đổi mới phương pháp đào tạo theo hướng thực hành, “cầm tay chỉ việc”, linh hoạt giữa trực tiếp và trực tuyến; quản lý, sử dụng, thanh, quyết toán kinh phí các lớp hỗ trợ đào tạo theo đúng quy định.

- Phối hợp với địa phương, doanh nghiệp, hợp tác xã tổ chức đào tạo gắn với thực hành, sử dụng lao động và chuỗi giá trị.

- Đẩy mạnh ký hợp đồng với các đơn vị sử dụng lao động để tổ chức đào tạo nghề theo yêu cầu.

- Tổng hợp kết quả của từng lớp/khóa học, báo cáo kết quả về UBND cấp xã để theo dõi và tổng hợp báo cáo theo quy định.

11. Các doanh nghiệp, hợp tác xã nông nghiệp

- Phối hợp với cơ sở đào tạo tham gia xây dựng chương trình, tổ chức đào tạo, hướng dẫn thực hành, tiếp nhận lao động và đặt hàng đào tạo theo nhu cầu sử dụng nhân lực.

- Cử cán bộ kỹ thuật, người có kinh nghiệm tham gia giảng dạy, hướng dẫn thực hành; cung cấp thông tin về nhu cầu lao động, kỹ năng nghề và thị trường để phục vụ công tác đào tạo.

- Thông tin, báo cáo chính xác, kịp thời về nhu cầu đào tạo, sử dụng lao động theo ngành nghề và nhu cầu tuyển dụng lao động của doanh nghiệp, hợp tác xã.

12. Chế độ báo cáo

Định kỳ 06 tháng (trước ngày 15/6), hàng năm (trước ngày 15/12) hoặc đột xuất các sở, ban, ngành, UBND các xã, phường và các cơ quan, đơn vị có liên quan căn cứ chức năng, nhiệm vụ được phân công báo cáo đánh giá kết quả thực hiện gửi báo cáo về Sở Nông nghiệp và Môi trường (qua Chi cục Phát triển nông thôn) để tổng hợp, báo cáo UBND tỉnh và Bộ Nông nghiệp và Môi trường.

Trong quá trình triển khai thực hiện nếu gặp khó khăn, vướng mắc hoặc phát sinh nội dung cần điều chỉnh, bổ sung, các cơ quan, đơn vị kịp thời báo cáo, đề xuất về Sở Nông nghiệp và Môi trường tổng hợp, tham mưu UBND tỉnh chỉ đạo, giải quyết theo quy định./.